

2 Listen and add a tonal mark to the pinyin.

61

1 fāndiān

2 jīngcháng

3 shǒushàng

4 xuèshēng

5 shítóu

6 jiāngběi

7 jīnyú

8 yúncái

9 piāoliáng

97

www.aibochinese.com, For more

3 Say the following in Chinese.

 Example hēi sè 黑色		1 
2 	3 	4 
5 	6 	7 
8 	9 	10 

Extra Words

chéng sè
a) 橙色
orange colour

zōng sè
b) 棕色
brown

zǐ sè
c) 紫色
purple

lǜ sè
d) 绿色
green

huī sè
e) 灰色
grey

Listen and choose the right colours.

62

A) 	D) 
B) 	E) 
C) 	F) 

1. bà ba 爸爸	4. jiě jie 姐姐
2. mā ma 妈妈	5. mèi mei 妹妹
3. gē ge 哥哥	6. wǒ 我